

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu

Gói thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”

Thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”

Thuộc dự án: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 5 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, số 57/2024/QH15, ban hành ngày 29/11/2024, có hiệu lực ngày 15/01/2025;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 214/2024/NĐ-CP ký ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-HĐTV ngày 20/09/2021 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-HĐTV ngày 29/05/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-EVNSPC ngày 01/06/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-EVN SPC ngày 01/6/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành quy chế phân cấp quản lý giữa Tổng giám đốc và Giám đốc các đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 1824/QĐ-EVNSPC ngày 17/6/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong “Quy chế phân cấp thẩm quyền quản lý giữa Tổng Giám đốc và Giám đốc đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam” được ban hành theo Quyết định số 1677/QĐ-EVNSPC ngày 01/06/2025;

Căn cứ Quyết định số 2278/QĐ-EVNSPC ngày 18/11/2022 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc Ban hành “Quy trình tổ chức thực hiện Dự án đầu tư Hệ thống thông tin” trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-CNTTMN ngày 16/08/2025 của Công ty CNTT Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Phương án đầu tư Dự án: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”;

Căn cứ Quyết định số 2124/QĐ-EVNSPC ngày 30/06/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao bổ sung kế hoạch vốn Đầu tư xây dựng năm 2025 cho Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-EVNSPC ngày 30/06/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc chuyển giao nhiệm vụ quản lý dự án các công trình công nghệ thông tin năm 2025 cho Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 2504/QĐ-EVNSPC ngày 05/08/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao điều chỉnh kế hoạch vốn Đầu tư xây dựng năm 2025 cho Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 664/QĐ-CNTTMN ký ngày 09/09/2025 của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”;

Căn cứ Quyết định số 665/QĐ-CNTTMN ngày 10/09/2025 của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”;

Căn cứ Quyết định số 670/QĐ-CNTTMN ngày 11/09/2025 của Công ty Công nghệ thông tin miền Nam về việc phê duyệt dự toán gói thầu của gói thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”;

Căn cứ Tờ trình của Tổ chuyên gia tại tờ trình ngày 11/09/2025 về việc trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 268/TTĐ ngày 12/09/2025 của Tổ thẩm định về việc thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”. (chi tiết theo phụ lục đi kèm).

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án, Phòng Kế hoạch Vật tư phối hợp các phòng ban và các tổ chức năng có liên quan của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam căn cứ các nội dung đã được phê duyệt chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Ban Quản lý dự án, Phòng Kế hoạch Vật tư và các phòng ban chức năng có liên quan của Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban QLDA;
- Phòng TCKT;
- Phòng KHVT (bản giấy);
- Lưu: VT. KHVT (LienLTH.02).

GIÁM ĐỐC

Đặng Nguyên Phương

PHỤ LỤC HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)

Gói thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”

1. Nội dung gói thầu:

- Tên gói thầu: Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng.
- Dự án: Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng.
- Giá gói thầu: **12.318.714.130 VNĐ** (đã bao gồm thuế VAT)
(Số tiền bằng chữ: Mười hai tỷ, ba trăm mười tám triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, một trăm ba mươi đồng);
- Nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư xây dựng (Khấu hao cơ bản và vay thương mại);
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III - năm 2025;
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu:
 - ✓ *Hình thức lựa chọn nhà thầu:* Đấu thầu rộng rãi được áp dụng theo điều 21 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023.
 - ✓ *Phương thức lựa chọn nhà thầu:* Một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng theo điều 30 của Luật đấu thầu 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó:
 - ✓ Thời gian cung cấp, nghiệm thu VTTB: trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 - ✓ Thời gian triển khai, nghiệm thu bàn giao sản phẩm: trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Tùy chọn mua thêm: không có.

2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được CN Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH – Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Nam thành lập theo Quyết định số 673/QĐ-CNTTMN ký ngày 11/09/2025 để thực hiện lập E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng” thuộc dự án/dự toán mua sắm: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”.

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.*

Bảng số 01

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên
1	Nguyễn Hải Nam	Tổ trưởng	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thực hiện các chức năng và điều hành công việc chung của Tổ chuyên gia. ✓ Điều phối, giao việc cho các thành viên có liên quan (nếu cần). ✓ Chịu trách nhiệm về hồ sơ mời thầu và kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu do tổ thực hiện.
2	Trương Thanh Vũ	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Rà soát và kiểm tra về năng lực và kinh nghiệm của hồ sơ mời thầu ✓ Chịu trách nhiệm đánh giá về năng lực và kinh nghiệm; tài chính của hồ sơ dự thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.
3	Nguyễn Trọng Viết Đăng	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Chịu trách nhiệm đánh giá về tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.
4	Huỳnh Anh Cường	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Rà soát và kiểm tra về kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. ✓ Chịu trách nhiệm đánh giá về kỹ thuật của hồ sơ dự thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.
5	Nguyễn Minh Cảnh	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Rà soát và kiểm tra về kỹ thuật của hồ sơ mời thầu. ✓ Chịu trách nhiệm đánh giá về kỹ thuật của hồ sơ dự thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.
6	Lữ Thị Hồng Liên	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Chịu trách nhiệm lập hồ sơ mời thầu. ✓ Thực hiện công tác dưới sự phân công của Tổ trưởng.

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Cách thức làm việc của Tổ chuyên gia được CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH - CÔNG TY CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐIỆN

LỤC MIỀN NAM quy định trong Quyết định số 673/QĐ-CNTTMN ký ngày 11/09/2025 để thực hiện lập E-HSMT/hồ sơ mời thầu gói thầu: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng” thuộc dự án/dự toán mua sắm: “Trang bị hệ thống sao lưu, phục hồi và phòng chống mã hóa dữ liệu cho Trung tâm Chăm sóc Khách hàng”.

I. NỘI DUNG E-HSMT/hồ sơ mời thầu

1. Tài liệu mẫu để chuẩn bị hồ sơ mời thầu (E-HSMT):

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 214/2024/NĐ-CP ký ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Mẫu Hồ sơ mời thầu (Mẫu số 04A) ban hành theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Ngôn ngữ:

- E-HSMT: Tiếng Việt.
- E-HSDT: Tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ có thể được viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
- Hợp đồng: Tiếng Việt.

3. Hiệu lực E-HSDT: 90 ngày kể từ ngày mở thầu

4. Bảo đảm dự thầu: có giá trị 184.780.712 VND, có hiệu lực 120 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

5. Phạm vi cung cấp của gói thầu:

STT	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽⁴⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất	Ngày giao hàng muộn nhất
1	Bản quyền phần mềm sao lưu dữ liệu: Bản quyền phần mềm sao lưu dữ liệu cho máy chủ ảo (VM) bao gồm hỗ trợ kỹ thuật chính hãng (24/7) trong 03 năm.	Bộ	350	Theo quy định tại chương V		<p>Trung tâm dữ liệu của Trung tâm chăm sóc khách hàng tại số 12 Thi Sách, Phường Sài Gòn, Tp.HCM.</p> <p>- DR Site của Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Phòng DataCenter, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh số 114A Hồng Hà, P.Tân Sơn Hòa, Tp.HCM</p>	01	60
2	Thiết bị lưu trữ chuyên dụng cho Sao lưu	Bộ	02	Theo quy định tại chương V			01	60
3	Thiết bị máy chủ	Bộ	02	Theo quy định tại chương V			01	60
4	Bản quyền hệ điều hành Window	Gói	02	Theo quy định tại chương V			01	60

6. Các dịch vụ liên quan

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ ⁽²⁾
1	<p>Dịch vụ đào tạo, lắp đặt, cấu hình, tích hợp, tối ưu toàn bộ hệ thống theo dạng chìa khóa trao tay "Turn key";</p> <ul style="list-style-type: none"> Bao gồm đầy đủ các phụ kiện, vật tư để triển khai, lắp đặt; Biên soạn quy trình vận hành sao lưu, phục hồi và ứng cứu hệ thống; Đào tạo hướng dẫn sử dụng. 	01	Gói	<p>- Trung tâm dữ liệu của Trung tâm chăm sóc khách hàng tại số 12 Thi Sách, Phường Sài Gòn, Tp.HCM.</p> <p>- DR Site của Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Phòng DataCenter, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh số 114A Hồng Hà, P.Tân Sơn Hòa, Tp.HCM</p>	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

7. Đánh giá kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là **17.324.391.195 VNĐ**.

- Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự: Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

Trong đó hợp đồng tương tự là:

- Có tính chất tương tự:
 - + Hợp đồng thuộc cùng lĩnh vực thiết bị công nghệ thông tin có giá trị đáp ứng tối thiểu là **5.774.797.065 VNĐ hoặc:**
 - + Hợp đồng trong đó có cung cấp thiết bị máy chủ, thiết bị chuyển mạch, thiết bị lưu trữ cho sao lưu dữ liệu, bản quyền phần mềm có giá trị đáp ứng tối thiểu là **5.774.797.065 VNĐ** (Trong trường hợp nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiem thu) cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự về chủng loại, tính chất để xem xét, đánh giá).

❖ Ghi chú:

Tài liệu chứng minh Hợp đồng: (Tất cả tài liệu chứng minh phải là bản phô tô có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền):

1. Đối với hợp đồng đã hoàn thành toàn bộ nhà thầu cung cấp tài liệu sau:

- Hợp đồng;
- Hóa đơn;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình hoặc tài liệu tương đương;
- Biên bản thanh lý (nếu hợp đồng tự thanh lý thì không cần có biên bản thanh lý).

2. Đối với Hợp đồng đang thực hiện, chưa nghiệm thu-thanh lý, nhà thầu cung cấp tài liệu sau: nhà thầu cung cấp tài liệu sau:

- Hợp đồng;
- Chứng từ thanh toán của chủ đầu tư hoặc hóa đơn hợp lệ của nhà thầu cho khối lượng đã hoàn thành;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo phần tương ứng hoặc biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành công trình của Chủ đầu tư.

3. Đối với các hợp đồng mà nhà thầu tham gia với tư cách thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ, chỉ giá trị công việc do Nhà thầu thực hiện sẽ được xem xét khi đánh giá năng lực kinh nghiệm cho gói thầu. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh khối lượng công việc do Nhà thầu thực hiện trong hợp đồng với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ.

4. Trong trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư/Bên mời thầu sẽ kiểm tra tính xác thực của hợp đồng tương tự (nhằm tránh tình trạng tạo năng lực ảo gây tình trạng không công bằng trong đấu thầu). Chủ đầu tư/Bên mời thầu có quyền kiểm tra bằng các hình thức sau:

- Đối chiếu bảng gốc hợp đồng kê khai và các hồ sơ liên quan.
- Xác nhận thông tin của Chủ đầu tư đã ký hợp đồng tương tự mà Nhà thầu kê khai trong HSDT (nếu cần).
- Kiểm tra thực tế địa điểm lắp đặt thiết bị hàng hóa trong Hợp đồng tương tự. Nhà thầu phải có trách nhiệm tổ chức việc đi kiểm tra hiện trường theo yêu cầu của Chủ đầu tư/ Bên mời thầu.

* Nếu nhà thầu từ chối hợp tác với Chủ đầu tư/Bên mời thầu trong việc xác thực, kiểm tra các thông tin nêu trên, E-HSDT của Nhà thầu sẽ bị đánh giá không đáp ứng.

- Có quy mô (giá trị) tối thiểu **5.774.797.065 VND**.

8. Đánh giá về kỹ thuật: Áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “đạt” và “không đạt”.

9. Đánh giá chi tiết về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.

10. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng có hiệu lực, theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện, không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu theo, Mẫu số 18 Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng).

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên bán hoàn tất thời gian giao hàng cuối cùng bao gồm thời gian giao hàng trễ cho phép và Bên Mua nhận được Bảo lãnh bảo hành.

- Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B

sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

- Trường hợp Bên B là nhà thầu là liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10% giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các trường hợp sau:

- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực.
- Bên B vi phạm thỏa thuận hợp đồng.
- Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

• Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.

- Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

- Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

- Bản sao của Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được sao y bởi bởi Ngân hàng hoặc hoặc tổ chức tín dụng phát hành hoặc sao y bản chính còn hiệu lực.

11. Tạm ứng: 30% trị giá trị hàng hóa trong hợp đồng (không bao gồm thuế GTGT) sẽ được ứng trước trong vòng 30 ngày bằng hình thức chuyển khoản kể từ khi Bên mua nhận được các hồ sơ thanh toán gồm một (01) bản gốc và bốn (04) bản sao y bản chính của Bên Bán và đóng dấu giáp lai. Riêng các chứng từ liên quan đến bảo lãnh hợp đồng và bảo hành sản

phẩm phải do Ngân hàng phát hành sao y hoặc sao y bản chính. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Văn bản yêu cầu tạm ứng của Bên Bán;
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- Bảo lãnh tạm ứng do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong E-HSMT với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực như bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (ngoại trừ Ngân hàng EVN hoặc EVNSPC cấm tham gia) phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.

Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.

Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.

Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

12. Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.
- Các hồ sơ thanh toán gồm một (01) bản gốc và bốn (04) bản sao y bản chính của Bên Bán và đóng dấu giáp lai. Riêng các chứng từ liên quan đến bảo lãnh hợp đồng và bảo hành sản phẩm phải do Ngân hàng phát hành sao y hoặc sao y bản

chính.

Giá trị hợp đồng còn lại sẽ được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ khi Bên mua nhận được các chứng từ sau:

- + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên bán
- + Hóa đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính do Bên bán lập khi giao hàng.
- + Bảng kê đóng gói (nếu có).
- + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do phòng Thương mại nước sản xuất ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị, tên nhà sản xuất, số serial: trường hợp ko có bản gốc thì cung cấp 04 bản sao y công chứng.
- + Giấy chứng nhận xuất xưởng (Phiếu xuất xưởng) do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu] và số serial [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial] của thiết bị] đối với thiết bị sản xuất trong nước;
- + Giấy chứng nhận số lượng và chất lượng của Nhà sản xuất ban hành hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;
- + Tờ khai hàng hoá nhập khẩu và chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu; thuế GTGT do cơ quan chức năng phát hành (nếu có);
- + Thư xác nhận của hãng về License hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương;
- + Bảo lãnh bảo hành trị giá 05% giá trị hợp đồng;
- + Biên bản giao nhận hàng hóa;
- + Biên bản kiểm tra điều kiện triển khai hợp đồng;
- + Biên bản kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu triển khai đối với hợp đồng;
- + Biên bản kiểm tra các hàng hóa của hợp đồng;
- + Biên bản nghiệm thu vận hành đơn động các hàng hóa trong hợp đồng;
- + Biên bản kiểm nghiệm VTTB;
- + Kế hoạch vận hành thử dự án;
- + Báo cáo kết quả vận hành thử dự án;
- + Biên bản nghiệm thu vận hành thử hệ thống;
- + Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm dự án;
- + Cam kết bảo hành hệ thống kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao sản phẩm dự án;
- + Tài liệu hoàn công đối với hệ thống được đầu tư trong gói thầu;
- + Nhật ký công tác triển khai;

- + Nhật ký giám sát công tác triển khai;
- + Báo cáo kết quả giám sát công tác triển khai;
- + Kế hoạch bảo trì;
- + Biên bản xác nhận đào tạo giữa Bên Mua và Bên Bán;
- + Các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

Trong trường hợp Bên B phải bồi thường cho Bên A thì Bên A có quyền khấu trừ tiền bồi thường vào đợt thanh toán cho Bên B;

1. Bảo hành:

Thời hạn bảo hành là:

- + 36 tháng kể từ ngày nghiệm thu nghiệm thu, bàn giao sản phẩm dự án.
- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng có hiệu lực 37 tháng kể từ ngày phát hành thư.
- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành.
- Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa thay thế do Bên Bán chịu.
- Trường hợp Bên bán chưa lập Bảo lãnh bảo hành hoặc hiệu lực Bảo lãnh bảo hành không đảm bảo, Bên mua sẽ giữ lại giá trị 05% trị giá hợp đồng đến hạn thanh toán để đảm bảo nghĩa vụ bảo hành.
- Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.
- Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A.
- Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.

- Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

Địa điểm để áp dụng bảo hành là:

- Trung tâm dữ liệu của Trung tâm chăm sóc khách hàng tại số 12 Thi Sách, Phường Sài Gòn, Tp.HCM.

- DR Site của Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Phòng DataCenter, Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh số 114A Hồng Hà, P.Tân Sơn Hòa, Tp.HCM..

2. Luật áp dụng:

Hợp đồng được hiểu và áp dụng theo pháp luật hiện hành của nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

3. Giải quyết tranh chấp:

- Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của bên mua hoặc bên bán.

- Giải quyết tranh chấp: Tối đa là 30 ngày Bên bán và Bên mua có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

- Chi phí cho giải quyết tranh chấp bao gồm án phí và mọi chi phí có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, bao gồm cả chi phí luật sư (nếu có) do Bên thua kiện chịu.